

Số: 102/BC-UBND

Thị xã Duyên Hải, ngày 03 tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO
**Kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính
thị xã Duyên Hải quý I năm 2023**

Thực hiện Kế hoạch số 97/KH-UBND ngày 30/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về cải cách hành chính tỉnh Trà Vinh năm 2023; Quyết định số 3379/QĐ-UBND ngày 14/10/2021 của Ủy ban nhân dân thị xã ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 trên địa bàn thị xã Duyên Hải; Quyết định số 339/QĐ-UBND ngày 02/3/2022 của Ủy ban nhân dân thị xã ban hành Kế hoạch cải cách hành chính giai đoạn 2021 - 2025.

Ủy ban nhân dân thị xã Duyên Hải báo cáo kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính thị xã Duyên Hải quý I năm 2023 như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH

Thực hiện Kế hoạch số 97/KH-UBND ngày 30/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về cải cách hành chính tỉnh Trà Vinh năm 2023; Quyết định số 3379/QĐ-UBND ngày 14/10/2021 của Ủy ban nhân dân thị xã ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 trên địa bàn thị xã Duyên Hải; Quyết định số 339/QĐ-UBND ngày 02/3/2022 của Ủy ban nhân dân thị xã ban hành Kế hoạch cải cách hành chính giai đoạn 2021 - 2025; Kế hoạch số 05/KH-UBND ngày 12/01/2023 về cải cách hành chính thị xã Duyên Hải năm 2023 và các văn bản liên quan đến các nhiệm vụ cải cách hành chính với đầy đủ 06 nội dung công tác cải cách hành chính: Cải cách thể chế; cải cách thủ tục hành chính (TTHC); cải cách tổ chức bộ máy; cải cách chế độ công vụ; cải cách tài chính công; xây dựng chính quyền điện tử và chính quyền số.

Ủy ban nhân dân thị xã xây dựng chương trình công tác cải cách hành chính thị xã Duyên Hải năm 2023 gồm 36 nội dung công việc, trong đó đã thực hiện đạt 07/36 nội dung, đạt 19,44% Kế hoạch. Trong đó đã hoàn thành 07/16 nội dung chương trình công tác cải cách hành chính tỉnh Trà Vinh năm 2023 do Ủy ban nhân dân tỉnh giao, đạt 43,75%.

Đẩy mạnh triển khai thực hiện các giải pháp khắc phục những hạn chế trong thực hiện nâng cao thứ hạng các chỉ số PAPI, PAR Index, SIPAS năm 2022 và những năm tiếp theo; thực hiện báo cáo sơ kết 01 năm triển khai thực hiện Chương trình số 12-CTr/TU ngày 26/3/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy theo đúng quy định.

Chỉ đạo nâng cao chất lượng và hiệu quả tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC cho người dân và doanh nghiệp tại Bộ phận một cửa thị xã và các xã, phường, tổ chức sơ kết thí điểm mô hình “chuyển giao nhiệm vụ Bộ phận một cửa sang Bru điện” năm 2022.

Tăng cường thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính, văn hóa công sở trong hoạt động của cơ quan, đơn vị; nâng cao chất lượng và hiệu quả giải quyết TTHC cho người dân và doanh nghiệp, đảm bảo thuận tiện, kịp thời và đúng quy định của pháp luật; thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, gắn công tác cải cách hành chính với việc đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.

Lấy yếu tố con người làm vị trí trung tâm trong công tác cải cách hành chính, chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đáp ứng vị trí việc làm. Khuyến khích đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đóng góp sáng kiến, cách làm mới trong thực hiện cải cách hành chính trên địa bàn thị xã Duyên Hải.

Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền cải cách hành chính gắn với với tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2023. Theo đó đã triển khai thông tin, phổ biến về công tác cải cách hành chính thị xã Duyên Hải năm 2023 trong cán bộ, công chức, viên chức tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn thị xã; đăng tin trên Trang Thông tin điện tử thị xã được 01 cuộc, có 161 lượt người xem; triển khai qua Đài phát thanh thị xã tập trung vào các nội dung, chỉ tiêu chính của Kế hoạch và Chương trình công tác cải cách hành chính năm 2023 được 01 cuộc đến người dân và doanh nghiệp được biết. Tiếp tục phối hợp với Bru điện tỉnh Trà Vinh trang bị, bố trí màn hình tuyên truyền về dịch vụ công trực tuyến và các TTHC phổ biến, có tần số giao dịch lớn trên địa bàn thị xã; triển khai, sử dụng bộ nhận diện thương hiệu cho Bộ phận một cửa thị xã, các xã, phường.

Ban hành Kế hoạch số 168 /KH-UBND ngày 28/12/2022 về kiểm tra công vụ năm 2023 trên địa bàn thị xã Duyên Hải gắn với kiểm tra công tác cải cách hành chính trên địa bàn thị xã Duyên Hải. Ban hành Quyết định Tổ Kiểm tra công vụ năm 2023 (Quyết định số 20/QĐ-UBND, ngày 06/01/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã) nhằm kiểm tra việc thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính, văn hóa công sở, công tác cải cách hành chính trên địa bàn thị xã năm 2023.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Cải cách thể chế

Ban hành Kế hoạch số 22/KH-UBND ngày 08/02/2023 về theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn thị xã Duyên Hải năm 2023. Tổ chức tuyên truyền, giáo dục, phổ biến pháp luật được 04 cuộc trên Trang tin điện tử thị xã tập trung vào các lĩnh vực đất đai, nghĩa vụ quân sự, xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, an toàn giao thông, thanh niên, trẻ em,...

Thực hiện rà soát quy trình, thủ tục ban hành văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn thị xã, theo đó đã đề nghị các cơ quan chuyên môn rà soát hoàn thiện quy trình, thủ tục ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thị xã. Đến nay, đã ban hành 12/12

văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thị xã.

2. Cải cách thủ tục hành chính

Tiếp tục thực hiện Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính, Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

Thực hiện Quyết định số 20/QĐ-UBND ngày 09/01/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính tỉnh Trà Vinh năm 2023; Ủy ban nhân dân thị xã ban hành Kế hoạch số 12/KH-UBND ngày 18/01/2023 về kiểm soát thủ tục hành chính năm 2023; Quyết định số 216/QĐ-UBND ngày 21/02/2023 phê duyệt danh sách công chức làm nghiệp vụ đầu mối kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn thị xã Duyên Hải năm 2023, chỉ đạo các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thị xã và Ủy ban nhân dân các xã, phường thực hiện rà soát thủ tục hành chính thuộc thẩm giải quyết của cơ quan, đơn vị theo các Quyết định Ủy ban nhân dân tỉnh công bố. Qua rà soát, đến nay có 273 thủ tục thuộc quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân thị xã, Ủy ban nhân dân các xã, phường có 144 thủ tục, niêm yết đầy đủ, công khai thủ tục hành chính tại Bộ phận một cửa thị xã, các xã, phường thuận tiện cho người dân, doanh nghiệp dễ tiếp cận, dễ khai thác và cập nhật đầy đủ trên Trang thông tin điện tử thị xã, Cổng dịch vụ công tỉnh Trà Vinh và 100% thủ tục hành chính được tiếp nhận và trả kết quả tại Bộ phận một cửa thị xã, các xã, phường.

Thực hiện Quyết định số 2092/QĐ-UBND ngày 28/10/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022 – 2025 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh. Ủy ban nhân dân thị xã thực hiện rà soát, kết quả có 31 thủ tục hành chính nội bộ thực hiện trong hệ thống hành chính nhà nước; đồng thời, đã dự thảo quyết định công bố thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Tiếp tục triển khai việc đưa 40 thủ tục hành chính (TTHC) ngành dọc ra tiếp nhận và trả kết quả tại Bộ phận Một cửa thị xã, các xã, phường, trong đó: Thị xã có 28 TTHC (Công an thị xã: 06 TTHC, Bảo hiểm xã hội thị xã: 22 TTHC) và UBND các xã, phường 12 TTHC (BHXH: 01 TTHC, Động viên Quân đội: 02 TTHC; Dân quân tự vệ: 02 TTHC; Nghĩa vụ Quân sự: 07 TTHC).

Kết quả giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính của Bộ phận một cửa trên địa bàn thị xã (từ ngày 15/12/2022 đến ngày 28/02/2023) cụ thể như sau:

- Bộ phận Một cửa thị xã: Tổng tiếp nhận 246 hồ sơ¹; đã giải quyết 220 hồ sơ (trong đó: Trước hạn 115 hồ sơ đạt 52,2%, đúng hạn 104 hồ sơ đạt 47,3%, trễ hạn 01 hồ sơ 0,5%), còn lại 26 hồ sơ đang giải quyết.

- Bộ phận Một cửa các xã, phường: Tổng tiếp nhận có 2.401 hồ sơ², giải quyết 2.401 hồ sơ (trong đó: trước hạn 1561 hồ sơ đạt 65%; đúng hạn 840 hồ sơ 35%), không có hồ sơ quá hạn.

- Riêng thủ tục hành chính ngành dọc đưa ra tiếp nhận tại Bộ phận Một cửa thị xã quý I/2023: Tổng số hồ sơ tiếp nhận 2.373 hồ sơ³, đã giải quyết đúng hạn 2.373 hồ sơ, đạt 100%.

Tiếp tục triển khai Kế hoạch số 84/KH-UBND ngày 07/7/2021 về thực hiện Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn thị xã, giai đoạn 2021-2025. Trong quý I/2023, Ủy ban nhân dân thị xã tổ chức sơ kết chuyển giao nhiệm vụ của Bộ phận một cửa thị xã sang Bru điện Duyên Hải, Bộ phận một cửa cấp xã (xã Dân Thành, Phường 2) sang Bru cục (xã Dân Thành, Phường 2), có 40 đại biểu tham dự.

Phối hợp với Bru điện Duyên Hải triển khai thực hiện việc tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính theo Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ Bru chính công ích. Nhân viên Bru điện đã tiếp nhận 52 hồ sơ cho các tổ chức và cá nhân trên địa bàn, giải quyết và trả kết quả tại nhà đúng hạn được 52 hồ sơ, đạt 100% (so với tổng số hồ sơ giải quyết).

Thực hiện Công khai bảng tiếp nhận, phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính theo Quyết định số 07/2018/QĐ-UBND ngày 02/3/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành Quy chế phối hợp tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính trên địa bàn tỉnh; phân công công chức chuyên môn thực hiện tiếp nhận phản ánh, kiến nghị tại Cổng dịch vụ công quốc gia (<http://dichvucong.gov.vn>); Niêm yết số điện thoại đường dây nóng, thư điện tử, địa chỉ cơ quan... tiếp nhận các ý kiến phản ánh của người dân, doanh nghiệp. Bố trí thùng thư góp ý, để đánh giá hoạt động của Bộ phận một cửa thị xã, Ủy ban nhân dân thị xã tự tổ chức phát phiếu điều tra khảo sát sự hài lòng của người dân tại Bộ phận một cửa. Kết quả chưa có phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính.

3. Cải cách tổ chức bộ máy

Triển khai thực hiện Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban

¹ Thanh tra: 8 hs; Bảo trợ xã hội: 385 hs; Người có công: 75 hs; Hộ tịch: 23 hs; Chứng thực 730 hs; Thi đua khen thưởng: 37 hs, Tôn giáo 02 hồ sơ; Kinh doanh khí: 22 hs; Lưu thông hàng hóa trong nước 6 hs; Xây dựng: 15 hs; Thành lập hoạt động hộ kinh doanh: 505 hs; Giáo dục và đào tạo: 9 hs; Văn hóa: 11 hs; đất đai 424 hs; Môi trường: 04 hs.

² UBND các xã, phường: Hiệp Thạnh 1952 hs; Phường 1 là 7999 hs; Long Toàn 3284 hs; Trường Long Hòa 3962 hs; Long Hữu 4844 hs; Phường 2 là 4280 hs; Dân Thành 2683 hs.

³ Bảo hiểm xã hội: 2110 hồ sơ; Công an: 263 hồ sơ.

nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền, Ủy ban nhân dân thị xã đã ban hành Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của 12/12 cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thị xã đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Ban hành Kế hoạch số 24/KH-UBND ngày 08/02/2023 về thực hiện các hạng mục tiếp theo Đề án thành lập phường Dân Thành và phường Trường Long Hòa thuộc thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh; hoàn thiện đồ án quy hoạch phân khu đô thị Dân Thành và Trường Long Hòa; tiếp tục trao đổi, làm việc với đơn vị tư vấn đề án xã lên phường, theo đó đã phân công Phòng Nội vụ hỗ trợ đơn vị tư vấn hoàn thiện số liệu và hồ sơ liên quan đến các tiêu chí đề xã lên phường đối với xã Trường Long Hòa và xã Dân Thành.

Ban hành Kế hoạch số 39/KH-UBND ngày 27/02/2023 về quản lý và sử dụng biên chế khối chính quyền địa phương giai đoạn 2022 - 2026 và từng năm (từ năm 2023 đến năm 2026).

Tiếp tục triển khai thực hiện việc phân cấp quản lý như triển khai thực hiện Quyết định số 31/2014/QĐ-UBND ngày 07/11/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành Quy định về phân cấp sử dụng, quản lý cán bộ và tuyển dụng, sử dụng, quản lý công chức trong các cơ quan Nhà nước trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; Quyết định 30/2015/QĐ-UBND ngày 04/12/2015 ban hành Quy định về phân cấp tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập Nhà nước trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; Quyết định số 39/2016/QĐ-UBND ngày 05/10/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành Quy định về phân công, phân cấp quản lý đường đô thị trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; Quyết định số 20/2020/QĐ-UBND ngày 11/9/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành quy định phân công, phân cấp quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của ngành Y tế trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; Quyết định số 03/2019/Đ-UBND ngày 14/02/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành Quy định phân cấp quản lý khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; Quyết định 02/2020/QĐ-UBND Quy định phân cấp thẩm quyền phê duyệt hỗ trợ liên kết gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Trà Vinh...đảm bảo quản lý thống nhất về ngành, lĩnh vực thuộc địa phương, trong đó đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, theo dõi, đánh giá và thẩm định của các cơ quan chuyên môn quản lý ngành, lĩnh vực thuộc UBND thị xã.

4. Cải cách chế độ công vụ

Thực hiện rà soát, cập nhật thông tin liên quan đến Đề án vị trí việc làm của công chức, viên chức của 12 cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thị xã và 25 đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân thị xã.

Ban hành Kế hoạch số 21/KH-UBND ngày 08/02/2022 về thực hiện chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức năm 2023.

Ban hành Kế hoạch số 20/KH-UBND ngày 06/01/2022 về việc tuyển dụng viên chức năm 2023, Thông báo số 114/TB-UBND ngày 24/02/2023 về việc

thông báo tuyển dụng viên chức năm 2023 với 53 chỉ tiêu (giáo viên Mầm non: 12 chỉ tiêu; giáo viên Tiểu học: 34 chỉ tiêu; giáo viên Trung học cơ sở: 04 chỉ tiêu; nhân viên kế toán: 03 chỉ tiêu).

Ban hành Quyết định: Phân công 04 công chức trúng tuyển; bổ nhiệm lại 03 viên chức; công nhận hoàn thành tập sự và xếp lương đối với 01 công chức (phường 2); cho thôi việc 01 công chức cấp xã (Dân Thành); phân công 03 công chức xã Long Hữu; bổ nhiệm phụ trách kế toán 01 công chức xã Dân Thành; kỷ luật 01 viên chức và 01 công chức cấp xã.

Ban hành Kế hoạch số 19/KH-UBND ngày 03/02/2022 về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức thị xã Duyên Hải năm 2023. Lập danh sách đưa đi bồi dưỡng 86 lượt cán bộ, công chức, viên chức, gồm các lớp bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng chuyên môn.

Quyết định nâng bậc lương trước hạn, nâng bậc lương thường xuyên, phụ cấp thâm niên vượt khung đối với 46 cán bộ, công chức, viên chức.

5. Cải cách tài chính công

Kết quả thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công: Kế hoạch vốn được giao: 132.928.000 đồng; đã thực hiện: 17.991.000 đồng đạt đồng, đạt 13,5% Kế hoạch.

Kết quả thực hiện cơ chế tự chủ tài chính tại các đơn vị sự nghiệp công lập: Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập 26 đơn vị (23 đơn vị sự nghiệp giáo dục; 02 trung tâm; 01 ban quản lý) trong đó có 01 đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên. Tất cả các cơ quan, đơn vị thực hiện cơ chế tự chủ đều xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ, thực hiện tiết kiệm trong chi thường xuyên; chống lãng phí, từ đó bổ sung nguồn lực tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động; nâng cao được hiệu suất và hiệu quả trong công tác.

6. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

Tiếp tục ứng dụng công nghệ thông tin vào các hoạt động quản lý, điều hành nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả trong hoạt động, hỗ trợ đẩy mạnh cải cách hành chính và bảo đảm công khai, minh bạch hoạt động của cơ quan, đơn vị: Có 100% cán bộ, công chức được bố trí máy tính để phục vụ công tác; các máy tính, máy in, scan, photocopy của cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân thị xã đều được kết nối mạng (internet) phục vụ cho việc trao đổi dữ liệu cũng như thực hiện nhiệm vụ chuyên môn được thuận tiện; tiếp tục triển khai vận hành 05 phần mềm dùng chung do Ủy ban nhân dân tỉnh đầu tư vào hoạt động của cơ quan, đơn vị như: Hệ thống quản lý văn bản và điều hành (iOffice), Hệ thống thư điện tử chính thức của cơ quan nhà nước (mail@travinh.gov.vn), Hệ thống một cửa điện tử (iGate), Hệ thống ISO điện tử (iso.travinh.gov.vn) và Trang thông tin điện tử cung cấp thông tin phục vụ công tác quản lý, điều hành, cung cấp dịch vụ công trực tuyến (txdh.travinh.gov.vn).

Hệ thống quản lý văn bản và điều hành (iOffice):

- Tiếp tục triển khai thực hiện Công văn số 2626/UBND-NC ngày 17/12/2020 của Chủ tịch UBND thị xã về việc gửi, nhận văn bản điện tử không gửi văn bản giấy; Công văn số 302/UBND-NC ngày 23/02/2021 của Chủ tịch UBND thị xã về tăng cường gửi, nhận văn bản điện tử giữa cơ quan hành chính nhà nước nhằm phòng, chống dịch COVID-19. Chỉ đạo các ban, ngành thị xã, Ủy ban nhân dân các xã, phường triển khai sử dụng hiệu quả phần mềm quản lý văn bản iOffice để trao đổi văn bản giữa các cơ quan nhằm tiết kiệm thời gian, dễ quản lý, kiểm tra, giám sát trong công tác chỉ đạo điều hành.

- Tổng số văn bản đã phát hành: Thị xã 982 văn bản, trong đó: Văn bản điện tử 963 văn bản, số lượng văn bản điện tử có ký số 963 văn bản, chiếm 100% (so với văn bản điện tử), có 18 văn bản giấy⁴. Đến nay đã cấp 162 chứng thư số cá nhân, tổ chức (31 tổ chức, 131 cá nhân).

Hệ thống một cửa điện tử (iGate): Bộ phận Một cửa thị xã, xã, phường đã triển khai áp dụng phần mềm một cửa điện tử vào tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả cụ thể:

- Bộ phận Một cửa thị xã tiếp nhận 103/246 hồ sơ⁵ phát sinh trực tuyến đạt 41,8% (so tổng số hồ sơ tiếp nhận).

- Bộ phận Một cửa của xã, phường tiếp nhận 1.250/2401 hồ sơ phát sinh trực tuyến đạt 52,06% (so tổng số hồ sơ tiếp nhận).

Tiếp tục triển khai Hệ thống thư điện tử (mail@travinh.gov.vn) trong hoạt động cơ quan, đơn vị để trao đổi công việc.

Tiếp tục áp dụng, duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo yêu cầu của Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động cơ quan nhà nước: Ban hành Kế hoạch số 11/KH-UBND ngày 18/01/2023 về việc tiếp tục duy trì áp dụng và cải tiến nâng cao chất lượng của hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động cơ quan năm 2023; Quyết định số 271/QĐ-UBND ngày 24/02/2023 về việc ban hành hệ thống tài liệu của hệ thống quản lý chất lượng phù hợp với Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015.

Trang thông tin điện tử thị xã: Đăng tải 43 tin bài (15 tin nổi bật, 02 tin kinh tế, 04 tin văn hóa xã hội, 02 tin du lịch, 02 tin hoạt động đoàn thể, 01 tin tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, 17 tin khác) và 64 văn bản các loại (01 kế hoạch, 10 Quyết định, 02 TTHC, 18 phổ biến giáo dục pháp luật, 01 thông tin chính sách pháp luật, 01 thông tin tuyên dụng, 17 thông tin tuyên truyền, 02 báo cáo ngân

⁴ Văn bản mật; cấp, thu hồi giấy phép, chủ trương đầu tư, quyết định giao đất, cho thuê đất; quy hoạch cán bộ, văn bản có hồ sơ thành phần phức tạp bản đồ, bản vẽ thiết kế.....

⁵ Đất đai 40 hồ sơ; Thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh 505 hồ sơ; Văn hóa 11 hồ sơ; Hộ tịch 19 hồ sơ; Tôn giáo 02 hồ sơ; Văn bằng, chứng chỉ 02 hồ sơ; Người có công 14 hồ sơ; Bảo trợ xã hội 284 hồ sơ; Thi đua-khen thưởng 24 hồ sơ; kinh doanh khí 24 hồ sơ; Chứng thực 115 hồ sơ; Môi trường 04 hồ sơ; Lưu thông hàng hóa trong nước 06 hồ sơ.

sách, 06 văn bản phòng, chống dịch bệnh Covid và 06 lịch công tác tuần của lãnh đạo Ủy ban nhân dân thị xã).

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Mặt đạt được

Được sự quan tâm, chỉ đạo thường xuyên của Ủy ban nhân dân tỉnh, các sở, ngành tỉnh và Thị ủy Duyên Hải đối với việc triển khai thực hiện công tác cải cách hành chính trên địa bàn thị xã; sự chỉ đạo, điều hành, phân công của Ủy ban nhân dân thị xã; sự chủ động, tích cực của các cơ quan, đơn vị; cùng với tinh thần trách nhiệm cao của cán bộ, công chức, viên chức nên việc triển khai thực hiện hiệu quả các nội dung, nhiệm vụ cải cách hành chính năm 2023.

Thủ tục hành chính được niêm yết, công khai đầy đủ và đúng quy định tạo thuận lợi để người dân và doanh nghiệp tra cứu, thực hiện. Việc giải quyết nhanh chóng, kịp thời và minh bạch TTHC trên Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh góp phần nâng cao sự hài lòng của người dân đối với hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước.

Công tác thông tin, tuyên truyền cải cách hành chính gắn với phổ biến, giáo dục pháp luật được quan tâm triển khai thực hiện tốt, nhận thức, ý thức về quyền lợi và trách nhiệm của người dân tham gia đời sống chính trị ở cơ sở được nâng cao.

Việc tổ chức các cuộc tiếp xúc, trao đổi giữa người dân đối với chính quyền; lắng nghe ý kiến phản ánh, kiến nghị, góp ý của người dân; nâng cao chất lượng giải trình của các cấp chính quyền với người dân được thực hiện tốt.

Công tác tổ chức cán bộ, sắp xếp tổ chức bộ máy, biên chế, vị trí việc làm, tuyển dụng... được thực hiện đúng quy định của pháp luật hiện hành.

2. Khó khăn, hạn chế và nguyên nhân

Công tác thông tin, tuyên truyền cải cách hành chính thời gian qua mặc dù có chuyển biến nhưng chưa đa dạng về hình thức hiệu quả có mặt chưa cao so với yêu cầu.

Công tác kiểm tra kỷ luật, kỷ cương hành chính, cải cách hành chính từng lúc chưa nhiều.

Do nhiều phương thức lựa chọn hình thức nộp hồ sơ (trực tuyến, trực tiếp, dịch vụ Bru chính công ích) nên người dân chủ yếu chọn hình thức nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa, tâm lý người dân thực hiện dịch vụ công trực tuyến còn e ngại và do thói quen muốn đến tận nơi, muốn được tư vấn, hướng dẫn trực tiếp; một bộ phận công dân còn khó khăn chưa có thiết bị thông minh và việc sử dụng thiết bị còn hạn chế.

Công chức được phân công thực hiện nhiệm vụ tại Bộ phận một cửa kiêm nhiệm nhiều công việc chuyên môn, nên việc xử lý quy trình điện tử (iGate) các bước có khi còn trễ hạn.

Lộ trình thực hiện số hóa hồ sơ điện tử đối với thủ tục hành chính tiến độ thực hiện chậm; do sở, ngành tỉnh chưa có hướng dẫn, tập huấn chi tiết, nhất là việc lưu trữ hồ sơ điện tử cho UBND thị xã và UBND các xã, phường dẫn đến việc chưa nắm vững quy trình, cách thức triển khai thực hiện.

*** Nguyên nhân:**

Nhiều người dân và doanh nghiệp chưa thực sự quan tâm nhiều đến các dịch vụ công trực tuyến của các cơ quan nhà nước. Mặc dù thị xã đã tổ chức tuyên truyền bằng nhiều hình thức về dịch vụ công trực tuyến nhưng tỷ lệ người dân biết và sử dụng dịch vụ công trực tuyến còn thấp.

Trình độ và điều kiện sử dụng thiết bị công nghệ thông tin của người dân còn rất nhiều hạn chế, gây khó khăn trong việc tiếp cận các dịch vụ công trực tuyến.

Trong quá trình triển khai thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính trên địa bàn thị xã, còn một số ít cán bộ, công chức chưa cập nhật kịp thời kiến thức mới đáp ứng yêu cầu thực thi công vụ.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2023

1. Tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch số 97/KH-UBND ngày 30/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về cải cách hành chính tỉnh Trà Vinh năm 2023; Quyết định số 3379/QĐ-UBND ngày 14/10/2021 của Ủy ban nhân dân thị xã ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 trên địa bàn thị xã Duyên Hải; Quyết định số 339/QĐ-UBND ngày 02/3/2022 của Ủy ban nhân dân thị xã ban hành Kế hoạch cải cách hành chính giai đoạn 2021 - 2025; Kế hoạch số 05/KH-UBND ngày 12/01/2023 về cải cách hành chính thị xã Duyên Hải năm 2023 gắn với việc thực hiện Chương trình số 12-CTr/TU ngày 26/3/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

2. Đẩy mạnh cải cách hành chính nhà nước gắn với việc triển khai thực hiện có hiệu quả phương châm của Tỉnh ủy: “Đoàn kết, kỷ Cương, bản lĩnh linh hoạt, đổi mới, sáng tạo, kịp thời, hiệu quả”. Triển khai thực hiện có hiệu quả việc nâng cao chất lượng công tác cải cách hành chính và nâng cao thứ hạng các chỉ số PAPI, SIPAS, PAR Index gắn với thực hiện công tác dân vận chính quyền và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, góp phần phát triển kinh tế xã hội ở địa phương.

3. Đổi mới, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động thông tin, tuyên truyền cải cách hành chính, công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức, công tác quản lý, sử dụng công chức, viên chức trên địa bàn thị xã.

4. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan, đơn vị và địa phương, đặc biệt là việc sử dụng có hiệu quả hệ thống quản lý điều hành văn bản iOffice, phần mềm iGate. Tiếp tục nâng cao chất lượng và hiệu quả tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC tại Bộ phận Một cửa của thị xã và xã, phường; tiếp tục chấn chỉnh, nâng tỷ lệ phát sinh hồ sơ trực tuyến theo mức độ 3, 4 và qua bưu chính công ích đạt hoặc vượt chỉ tiêu đề ra.

5. Tiếp tục hoàn thiện tổ chức bộ máy tinh gọn, hiệu quả; tập trung thực hiện tốt quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực và theo lãnh thổ. Thực hiện có hiệu quả về phân cấp quản lý do Ủy ban nhân dân tỉnh giao, đồng thời thường xuyên chỉ đạo, đôn đốc, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện về phân cấp quản lý.

6. Tăng cường thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính, văn hóa công sở, nêu cao vai trò và trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị và địa phương trong thực hiện nhiệm vụ được giao, đặc biệt là trong công tác cải cách hành chính.

7. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách tài chính công, tăng hiệu quả giải ngân vốn đầu tư công. Tiếp tục chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn thị xã thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập và các văn bản có liên quan đến lĩnh vực tài chính - ngân sách.

8. Phối hợp, tạo điều kiện thuận lợi để Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tham gia giám sát, kiến nghị, góp ý về công tác cải cách hành chính trên địa bàn thị xã; đồng thời, người đứng đầu chính quyền các cấp tăng cường gặp gỡ, tiếp xúc với người dân và doanh nghiệp để kịp thời đưa ra các giải pháp phù hợp góp phần nâng cao sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp đối với hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước.

9. Đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước gắn với việc thực hiện công tác cải cách hành chính và thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4 trên địa bàn thị xã, trong đó đề cao vai trò, trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân trong việc đóng góp sáng kiến, giải pháp mới về cải cách hành chính trên địa bàn. Kịp thời phát hiện, biểu dương, khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu, xuất sắc trong công tác cải cách hành chính trên địa bàn. Đồng thời có các biện pháp chấn chỉnh, xử lý trách nhiệm đối với tập thể, cá nhân không thực hiện tốt nhiệm vụ cải cách hành chính được giao.

10. Quan tâm đầu tư trang thiết bị, hạ tầng kỹ thuật phục vụ giải quyết công việc liên quan đến người dân và doanh nghiệp, đảm bảo an toàn thông tin, kết nối, chia sẻ trên môi trường mạng.

Trên đây là báo cáo kết quả công tác cải cách hành chính thị xã Duyên Hải quý I năm 2023.

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ tỉnh Trà Vinh (b/c);
- TT.TXU; TT.HĐND thị xã (b/c);
- CT, các PCT. UBND thị xã;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam thị xã;
- Các phòng, ban, ngành thị xã;
- UBND các xã, phường;
- Trang TTĐT thị xã (đăng tin);
- Lưu: VT. NC (Thúy).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Cao Thị Hồng Gấm

PHỤ LỤC II

BIỂU MẪU THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH ĐỊNH KỲ

Thời gian: Quý I năm 2023

(Ban hành kèm theo Báo cáo số 102/BC-UBND ngày 03/3/2023 của Ủy ban nhân dân thị xã Duyên Hải)

Biểu mẫu 1

Công tác chỉ đạo điều hành CCHC

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành <i>(Kết luận, chỉ thị, công văn chỉ đạo, quán triệt)</i>	Văn bản	04	
2.	Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm <i>(Lũy kế đến thời điểm báo cáo)</i>	%	20%	
2.1.	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	36	
2.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	07	
3.	Kiểm tra CCHC			
3.1.	Số phòng, ngành đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	Chưa	
3.2.	Số UBND cấp xã, phường đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	Chưa	
3.3.	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	%	Không	
3.3.1.	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề	Không	
3.3.2.	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề	Không	
4.	Thanh tra việc thực hiện quy định pháp luật về tuyển dụng, quản lý, sử dụng công chức, viên chức và tổ chức bộ máy <i>(thuộc thẩm quyền của Sở Nội vụ)</i>			

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
4.1.	Số cơ quan, đơn vị được thanh tra	%		
4.2.	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị đã hoàn thành việc thực hiện kết luận thanh tra	%		
5.	Thực hiện nhiệm vụ UNND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao			
5.1.	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	17	
5.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	07	
5.3.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	0	
5.4.	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành	Nhiệm vụ	0	
6.	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức	Có = 1; Không = 0	0	
6.1.	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng		
6.2.	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2		
7.	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0 Có = 1	1	

Biểu mẫu 2
Cải cách thể chế

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Tổng số VBQPPL⁶ do địa phương ban hành	Văn bản	12	
1.1.	Số VBQPPL do cấp tỉnh ban hành	Văn bản		
1.2.	Số VBQPPL do cấp huyện ban hành	Văn bản	12	
1.3.	Số VBQPPL do cấp xã ban hành	Văn bản	0	
2.	Kiểm tra, xử lý VBQPPL		0	
2.1.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản		
2.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%		
1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra	Văn bản		
2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản		
3.	Rà soát VBQPPL			
3.1.	Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền của cấp huyện	Văn bản	12	Rà soát quy trình, thủ tục ban hành
3.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%	100	
1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát	Văn bản	10	
2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	10	Khắc phục, hoàn thiện quy trình, thủ tục và đã ban hành 12/12 Quyết định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ

⁶ Văn bản quy phạm pháp luật.

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
				chức của 12 cơ quan chuyên môn.

Biểu mẫu 3
Cải cách thủ tục hành chính

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Thông kê TTHC			
1.1.	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	Thủ tục		
1.2.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục		
1.3.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục		
1.4.	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại địa phương	Thủ tục		
1.	<i>Số TTHC cấp tỉnh (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)</i>	<i>Thủ tục</i>		
2.	<i>Số TTHC cấp huyện (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)</i>	<i>Thủ tục</i>	301	28 TTHC ngành dọc
3.	<i>Số TTHC cấp xã (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)</i>	<i>Thủ tục</i>	156	12 TTHC ngành dọc
2.	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
2.1.	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục		
2.2.	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục		
2.3.	Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính.	Thủ tục		
3.	Kết quả giải quyết TTHC			
3.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%		
1.	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong</i>	<i>Hồ sơ</i>		
2.	<i>Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn</i>	<i>Hồ sơ</i>		

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
3.2.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	99,5	
1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	220	
2.	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	219	
3.3.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	100	
1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	2401	
2.	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	2401	
3.4.	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	%	0	
1.	Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)	PAKN		
2.	Số PAKN đã giải quyết xong	PAKN		

Biểu mẫu 4
Cải cách tổ chức bộ máy

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy			
1.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%		
1.2.	Tỷ lệ UBND cấp huyện đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	100	
1.3.	Số lượng các ban quản lý trực thuộc UBND cấp tỉnh	Ban		
1.4.	Số tổ chức liên ngành do cấp tỉnh thành lập	Tổ chức		
1.5.	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL) tại địa phương	Cơ quan, đơn vị		
1.5.1.	<i>Số ĐVSNCL thuộc UBND tỉnh</i>	<i>Cơ quan, đơn vị</i>		
1.5.2.	<i>Số ĐVSNCL thuộc sở, ngành và tương đương</i>	<i>Cơ quan, đơn vị</i>		
1.5.3.	<i>Số ĐVSNCL thuộc UBND cấp huyện</i>	<i>Cơ quan, đơn vị</i>	25	
1.5.4.	<i>Tỷ lệ ĐVSNCL đã cắt giảm so với năm 2015</i>	%	10,71	
2.	Số liệu về biên chế công chức			
2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người		
2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	74	
2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại các cơ quan, tổ chức hành chính	Người	05	
2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0	
2.5.	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%	0	
3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập			
3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người		
3.2.	Tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	588	
3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người		
3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%		

Biểu mẫu 5
Cải cách chế độ công vụ

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	12	
1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	24	
1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị	0	
2.	Tuyển dụng công chức, viên chức			
2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người		
2.2.	Số công chức cấp xã được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người		
2.3.	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên.	Người		
2.4.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người		
2.5.	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người		
3.	Số lượng lãnh đạo quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển (Lũy kế từ đầu năm)	Người	03	
4.	Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật (cả về Đảng và chính quyền).		02	
4.1.	Số lãnh đạo cấp tỉnh bị kỷ luật.	Người		
4.2.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người		
4.3.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người		
4.4.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người		

Biểu mẫu 6
Cải cách tài chính công

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công	%	13.5%	
1.1.	Kế hoạch được giao	Triệu đồng	132.928	
1.2.	Đã thực hiện	Triệu đồng	17.991	
2.	Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) tại địa phương <i>(lũy kế đến thời điểm báo cáo)</i>			
2.1.	Tổng số ĐVSN công lập tại địa phương	Đơn vị	26	
2.2.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị		
2.3.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	01	
2.4.	Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị		
2.4.1.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên</i>	<i>Đơn vị</i>		
2.4.2.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên</i>	<i>Đơn vị</i>		
2.4.3.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên</i>	<i>Đơn vị</i>		
2.5.	Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	25	
2.6.	Số lượng ĐVSN đã chuyển đổi thành công ty cổ phần <i>(lũy kế đến thời điểm báo cáo)</i>	Đơn vị		

Biểu mẫu 7
Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản mới nhất	Chưa = 0 Hoàn thành = 1		
2.	Xây dựng và vận hành Hệ thống hợp trực tuyến <i>Liên thông 2 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND các huyện.</i> <i>Liên thông 3 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND cấp huyện, cấp xã.</i>	Chưa có = 0 2 cấp = 1 3 cấp = 2		
3.	Tỷ lệ báo cáo định kỳ được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	%		
4.	Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP).	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2		
5.	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử			
5.1.	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã			
5.1.1.	<i>Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh</i>	%		
5.1.2.	<i>Tỷ lệ UBND cấp huyện đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh</i>	%	100	
5.1.3.	<i>Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND huyện.</i>	%	100	
5.2.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của địa phương <i>(Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử).</i>	%	100	
5.2.1.	<i>Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của các sở, ban, ngành cấp tỉnh</i>	%		
5.2.2.	<i>Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp huyện</i>	%	100	
5.2.3.	<i>Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp xã</i>	%	100	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
5.3.	Xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh			
5.3.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối liên thông với Hệ thống	%		
5.3.2.	Tỷ lệ đơn vị cấp huyện đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	
5.3.3.	Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	
6.	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến			
6.4.	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 3	%	100	
6.4.1.	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 3	Thủ tục	160	
6.4.2.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3	Thủ tục	160	
6.4.3.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục	23	
6.5.	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 4	%	100	
6.5.1.	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 4	Thủ tục	83	
6.5.2.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4	Thủ tục	83	
6.5.3.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục	12	
6.6.	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	%		
6.6.1.	Tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 của địa phương	Thủ tục		
6.6.2.	Số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục		
6.7.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận trực tuyến mức độ 3 và 4 (Chỉ thống kê đối với các TTHC mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ)	%	41,8	
6.7.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận (cả trực tiếp và trực tuyến)	Hồ sơ	246	
6.7.2.	Số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trực tuyến	Hồ sơ	103	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
6.8.	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	%		
6.8.1.	Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí, ...)	Thủ tục		
6.8.2.	Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc trên Cổng DVC của tỉnh.	Thủ tục		